

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại [Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP](#);
- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT,

E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

1. Biện pháp tổ chức thi công và giải pháp kỹ thuật

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<p>(1.1). Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự tại văn phòng, trên công trường và thuyết minh sơ đồ, thể hiện rõ mối liên hệ, ghi rõ trách nhiệm của từng cá nhân (Giám đốc điều hành, chỉ huy trưởng, cán bộ kỹ thuật, đội trưởng,...), trách nhiệm từng bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, vật tư, thiết bị, an toàn, an ninh, môi trường, các đội, tổ thi công; bộ phận làm hồ sơ thi công, hoàn công, nghiệm thu, quyết toán A-B.</p>	<p>Có sơ đồ, thuyết minh nêu đầy đủ các nội dung đáp ứng yêu cầu.</p>	<p>Đạt</p>
	<p>Không có sơ đồ, không có thuyết minh hoặc sơ đồ, thuyết minh sơ sài, thiếu thông tin, nội dung nêu không đáp ứng yêu cầu</p>	<p>Không đạt</p>
<p>(1.2). Mô tả các mặt công tác chuẩn bị thi công, thực hiện thi công, phối hợp trong quá trình thi công, phối hợp xử lý sự cố, xử lý phản ánh của khách hàng hoặc bên liên quan (nếu có) trong quá trình thi công, biện pháp đẩy nhanh tiến độ, thu hồi vật tư thiết bị, ... bao gồm cả các công việc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công tác chuẩn bị thi công, xây dựng kế hoạch tiến độ, xin phép xây dựng, thông báo thi công, phối hợp với chính quyền địa phương, đơn vị cơ sở, phối hợp với các bên liên quan như đơn vị mạng viễn thông, điện lực, cấp thoát nước,... trong quá trình thi công. + Tổ chức mặt bằng công trường (thiết bị thi công, kho bãi tập kết thiết bị thi công, vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, chiếu sáng, điều tiết giao thông (nếu có), biển báo, thông báo công trường, biển báo an toàn, thông tin liên lạc trong quá trình thi công)... + Có bản vẽ mô tả mặt bằng tổ chức thi công tại công trường, có hợp đồng thuê kho bãi 	<p>Có mô tả chi tiết rõ ràng, đầy đủ và đáp ứng yêu cầu, có hình chụp thực tế công trường (các vị trí dự kiến đầu nối, vị trí lắp thiết bị, vị trí kéo cáp, vị trí giao chéo nếu có,...), có bản vẽ mô tả mặt bằng tổ chức thi công tại công trường, có hợp đồng thuê kho bãi tập kết vật tư thiết bị hoặc có cam kết thuê kho bãi tập kết vật tư thiết bị trong trường hợp trúng thầu,...</p>	<p>Đạt</p>
	<p>Không mô tả hoặc mô tả sơ sài, không có bản vẽ mô tả mặt bằng tổ chức thi công tại công trường, ... nội dung mô tả không đáp ứng yêu cầu</p>	<p>Không đạt</p>

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
tập kết vật tư thiết bị hoặc có cam kết thuê kho bãi tập kết vật tư thiết bị trong trường hợp trúng thầu,...		
(1.3). Tổ chức chuẩn bị vật tư thiết bị dùng cho công trình	Có mô tả và đáp ứng cơ bản	Đạt
	Không mô tả hoặc mô tả sơ sài hoặc nội dung mô tả không hợp lý	Không đạt
(1.4) Nhà thầu phải nghiên cứu kỹ hồ sơ thiết kế, khảo sát thực tế công trường, lập giải pháp thi công lắp đặt hoàn thành công trình phù hợp theo thiết kế được duyệt. Mọi chi phí liên quan đến giải pháp thi công không mất điện khách hàng do nhà thầu thanh toán và phải chuẩn bị đầy đủ VTTB đã được thử nghiệm theo yêu cầu trước khi lắp đặt.	Có giải pháp đầy đủ, khả thi	Đạt
	Không có giải pháp hoặc nêu giải pháp không khả thi, không hợp lý	Không đạt
(1.5) Giải pháp thi công lắp đặt thiết bị, vật tư, cấu kiện phần điện, thi công đấu nối, thử nghiệm, kiểm tra trước khi thi công, kiểm tra nghiệm thu trước khi đóng điện, tái lập điện. Giải pháp thi công gần hoặc giao chéo với công trình điện, công trình ngầm khác; Giải pháp thi công đào (nêu rõ khu vực/đoạn đường áp dụng biện pháp đào thủ công hoặc đào bằng máy và lý do lựa chọn giải pháp), lắp ống và tái lập mương cáp ngầm, mương cáp ngầm hạ thế, mương cáp viễn thông, hầm cáp, móng tủ thiết bị trong khu đô thị, đông dân cư và gần hoặc giao chéo với công trình điện, công trình ngầm khác; bàn giao mặt đường, vỉa hè cho cơ quan quản lý nhà nước. Giải pháp thi công đào, lắp ống và tái lập mương cáp ngầm hạ thế, mương cáp viễn thông (nếu có), hầm cáp, móng tủ, móng trạm, sàn trạm, hạ tầng bên trong phòng trạm.	Có giải pháp khả thi	Đạt
	Không có giải pháp hoặc nêu giải pháp không đầy đủ, không khả thi, không hợp lý	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<p>(1.6). Các biện pháp tổ chức lập và kiểm tra việc lập hồ sơ thi công, hoàn công, nghiệm thu quyết toán A-B đảm bảo phù hợp với thực tế thi công công trình;</p> <p>Các biện pháp kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu, từng cung đoạn và cho toàn bộ công trình; phối hợp xử lý các trường hợp trở ngại.</p> <p>Các biện pháp kiểm tra, thử nghiệm và phối hợp trước khi đóng điện vận hành từng tuyến cáp (đoạn cáp), từng cung đoạn, từng tủ điện và cho toàn bộ công trình</p> <p>Các biện pháp kiểm tra, thử thông tuyến ống, từng cung đoạn và cho toàn bộ công trình; phối hợp xử lý các trường hợp trở ngại, tắc ống.</p>	Có giải pháp khả thi	Đạt
	Không có giải pháp hoặc nêu giải pháp không đầy đủ, không khả thi, không hợp lý	Không đạt
Kết luận:	Các tiêu chuẩn chi tiết từ (1.1) đến (1.6) được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được	Đạt
	Không thuộc trường hợp trên	Không đạt

2. Tiến độ thi công

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<p>2.1. <u>Xe máy, thiết bị, dụng cụ thi công:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng, chủng loại, mức độ đáp ứng; - Các thiết bị, dụng cụ thi công. 	Số lượng và chủng loại phù hợp với biện pháp thi công đề xuất	Đạt
	Số lượng và chủng loại không phù hợp với biện pháp thi công đề xuất	Không đạt
<p>2.2. <u>Thời gian thi công:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có biểu tiến độ chi tiết được lập dựa trên phần mềm Microsoft Project, đảm bảo thời gian thi công không quá thời gian yêu cầu trong Hồ sơ mời thầu kể từ ngày khởi công 	Có biểu tiến độ chi tiết, hợp lý với đề xuất tiến độ thi công và thời gian thi công không vượt quá thời gian yêu cầu của HSMT	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	Không có biểu tiến độ chi tiết hoặc đề xuất tiến độ thi công và thời gian thi công không hợp lý vượt quá thời gian yêu cầu của HSMT	Không đạt
2.3. <u>Tính phù hợp:</u> a) Giữa huy động thiết bị với tiến độ thi công. b) Giữa bố trí nhân lực với tiến độ thi công.	Đề xuất đầy đủ, hợp lý và khả thi đối với cả 2 nội dung a), b)	Đạt
	Không thuộc trường hợp trên	Không đạt
Kết luận:	Các tiêu chuẩn chi tiết (2.1), (2.2), (2.3) được đánh giá là đạt	Đạt
	Không thuộc trường hợp trên	Không đạt

3. Biện pháp bảo đảm chất lượng

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
(3.1). Biện pháp đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu, vật tư thiết bị do chủ đầu tư cấp (nếu có) và do nhà thầu cung cấp để phục vụ công tác thi công gồm: - Đăng ký, mua sắm, nghiệm thu VTTB trước khi thi công, công tác tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho, bảo quản VTTB do chủ đầu tư cấp và VTTB do nhà thầu cấp (bao gồm tại kho nhà thầu, trong quá trình vận chuyển và tại công trường); - Biện pháp bảo quản khi vào mùa mưa, bão, khi công trình tạm dừng thi công; - Giải pháp xử lý vật tư, vật liệu và thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu.	Có thuyết minh hợp lý, đầy đủ, đạt yêu cầu	Đạt
	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ, không hợp lý, không đạt yêu cầu	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<p>(3.2). Biện pháp đảm bảo chất lượng trong quá trình thi công:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ bố trí tổ chức giám sát, kiểm tra các giai đoạn thi công. - Quản lý chất lượng cho từng giai đoạn công tác thi công: quy trình lập biện pháp thi công, thi công, kiểm tra, nghiệm thu. - Công tác phối hợp với tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế và các bên liên quan trong quá trình thi công; bố trí hợp lý lực lượng công nhân có tay nghề; kiểm soát chất lượng thi công phần lắp khuôn; thực hiện các thí nghiệm, phục vụ thi công, ghi nhật ký thi công; kiểm soát chất lượng việc lập hồ sơ thi công, hoàn công, nghiệm thu, quyết toán A-B... - Công tác số hóa (scan) toàn bộ hồ sơ; tài liệu liên quan đến nghiệm thu, hoàn công, quyết toán A-B; lưu trữ dạng file .pdf và hoặc file ảnh,... bàn giao cho chủ đầu tư cùng với hồ sơ giấy ngay sau khi hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng. - Nhà thầu phải có giải pháp áp dụng ghi Nhật ký điện tử, nghiệm thu điện tử và trang bị đầy đủ thiết bị (máy tính, thiết bị di động, đăng ký chữ ký số,...) đáp ứng điều kiện áp dụng Nhật ký điện tử, cập nhật chương trình IMIS 2 (nếu có). 	<p>Có thuyết minh hợp lý, đầy đủ, đạt yêu cầu; có giải pháp ghi nhật ký điện tử và công tác số hóa hồ sơ.</p>	<p>Đạt</p>
	<p>Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ, không hợp lý, không đạt yêu cầu.</p>	<p>Không đạt</p>
<p>KẾT LUẬN:</p>	<p>Các tiêu chuẩn chi tiết (3.1), (3.2) được đánh giá là đạt</p>	<p>Đạt</p>
	<p>Không thuộc các trường hợp nêu trên</p>	<p>Không đạt</p>

4. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<p>(4.1).Vệ sinh môi trường:</p>	<p>Có biện pháp vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi, phù hợp</p>	<p>Đạt</p>

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, chống ô nhiễm, chống ồn, chống bụi trong quá trình thi công, vận chuyển vật tư và vật liệu.	Không có biện pháp hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp	Không đạt
(4.2). An toàn lao động:	Có biện pháp bảo đảm an toàn lao động hợp lý, khả thi, phù hợp	Đạt
	Không có biện pháp hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp	Không đạt
(4.3). Phòng cháy, chữa cháy:	Có biện pháp phòng cháy nổ, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp	Đạt
	Không có biện pháp hoặc biện pháp không hợp lý, không khả thi, không phù hợp	Không đạt
KẾT LUẬN:	Các tiêu chuẩn chi tiết (4.1), (4.2), (4.3) được xác định là đạt	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên	Không đạt

5. Bảo hành của nhà thầu

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
(5.1). Bảo hành: <ul style="list-style-type: none"> Thời gian bảo hành 36 tháng Thuyết minh chế độ bảo hành công trình, nhiệm vụ nhà thầu trong quá trình bảo hành 	Có đề xuất thời gian bảo hành ≥ 36 tháng và có thuyết minh chi tiết, đầy đủ chế độ bảo hành	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành ≥ 36 tháng và có thuyết minh đáp ứng cơ bản nhưng chưa chi tiết	Chấp nhận được
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 36 tháng hoặc không có thuyết minh bảo hành	Không đạt
(5.2). Uy tín của nhà thầu: Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu và thực hiện hợp đồng.	Không thuộc các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> Nhà thầu không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng; 	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	- Nhà thầu không thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó và có lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.	
	Thuộc các trường hợp trên	Không đạt
KẾT LUẬN:	Tiêu chuẩn chi tiết (5.1), (5.2) được xác định là đạt hoặc chấp nhận được	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên	Không đạt

6. Chất lượng vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng do Nhà thầu cấp:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
(6.1). Phạm vi cung cấp: Nhà thầu chào đầy đủ thông tin về nguồn gốc, xuất xứ, nhãn hiệu hàng hóa và mô tả chi tiết quy cách kỹ thuật chính của tất cả VTTB do nhà thầu cung cấp tại bảng 1B, Chương IV vào Mục 1, phần IV, Chương V của E.HSMT.	Có chào hoặc bổ sung đầy đủ khi có yêu cầu làm rõ.	Đạt
	Không chào hoặc chào không đầy đủ kể cả sau khi làm rõ bổ sung.	Không đạt
(6.2). Yêu cầu kỹ thuật	Tất cả các yêu cầu quy cách kỹ thuật chính của VTTB B cấp do nhà thầu chào theo bảng 1B chương IV đối với từng vật tư, thiết bị chính do Nhà thầu chào được đánh giá là “Đáp ứng”	Đạt
	Không thuộc trường hợp trên	Không đạt
(6.3). Biên bản thử nghiệm điển hình vật tư thiết bị B cấp: Nhà thầu cung cấp Biên bản thử nghiệm điển hình có đầy đủ các hạng mục thử nghiệm của các VTTB nêu tại Mục 1 Phần IV Chương V của E-HSMT.	Có cung cấp tất cả biên bản thử nghiệm điển hình và đầy đủ các hạng mục thử nghiệm.	Đạt
	Có cung cấp nhưng còn thiếu một số biên bản thử nghiệm hoặc còn thiếu một số hạng mục thử nghiệm nhưng nhà thầu có văn bản cam kết	Chấp nhận được

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	sẽ cung cấp đầy đủ, đáp ứng yêu cầu E-HSMT trong trường hợp trúng thầu.	
	Không thuộc trường hợp trên	Không đạt
(6.4). Tất cả VTTB B cấp đưa vào sử dụng cho công trình đều phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đảm bảo chất lượng, mới 100%, có đầy đủ Biên bản thử nghiệm và các tài liệu liên quan kèm theo đáp ứng yêu cầu theo thiết kế được duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.	Nhà thầu có văn bản cam kết đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Không thuộc trường hợp trên	Không đạt
KẾT LUẬN:	Tiêu chuẩn chi tiết (6.1), (6.2), (6.4) được xác định là đạt và tiêu chuẩn chi tiết (6.3) được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên	Không đạt

Lưu ý: Nhà thầu phải trình bày các giải pháp thi công một cách chi tiết, cụ thể từng nội dung công việc thi công và không trình bày chung chung. Các giải pháp trình bày phải có tính thực tế của công trình và khả thi. Các giải pháp trình bày chung chung thì hồ sơ bị loại.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật. Đối với gói thầu cần xem xét

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.2 Mục 3 Chương này.

trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật, chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

n = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt²:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói

² Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.